

BÁO CÁO

Kết quả công tác cải cách hành chính nhà nước quý III/2026 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm quý IV/2026 tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về chế độ báo cáo định kỳ, trong đó có nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC), UBND tỉnh Quảng Trị báo cáo Bộ Nội vụ kết quả công tác cải cách hành chính quý III/2026, triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm quý IV/2026 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật của Lãnh đạo tỉnh đối với công tác CCHC

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3209/KH-UBND ngày 02/7/2026 về nâng cao chỉ số PAR INDEX và chỉ số SIPAS của tỉnh năm 2026. Trong đó nhấn mạnh yêu cầu các cơ quan, địa phương đổi mới tư duy, đổi mới lề lối làm việc, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ CCHC.

Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc triển khai Kế hoạch số 3300/KH-UBND ngày 25/12/2025 về Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2026; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030; trong đó xác định CCHC và chuyển đổi số là động lực, là phương thức đột phá để hiện đại hóa nền hành chính; đổi mới căn bản, toàn diện phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và minh bạch.

Để triển khai cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thành lập và phát triển doanh nghiệp, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3889/KH-UBND ngày 07/8/2026 nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2026.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm

Đầu năm tới nay, Quảng Trị đã hoàn thành 41/45 nhiệm vụ CCHC của năm, đạt tỷ lệ 91,11% kế hoạch đề ra.

3. Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính

Chỉ đạo tăng cường đăng tải tin, bài, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và các thông tin liên quan về quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, về công tác cải cách hành chính trên Cổng TTĐT tỉnh, Trang TTĐT Văn phòng UBND tỉnh, chia sẻ trên fanpage Cổng, góp phần cải

thiện và nâng cao Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh (*riêng Chuyên trang CCHC tỉnh, từ ngày 10/6 đến ngày 09/9/2026, đã cập nhật 56 tin, bài và 15 văn bản; cập nhật 23 tin CCHC và 64 bản tin CCHC trên Trang TTĐT Văn phòng UBND tỉnh*).

Xác định Cổng TTĐT tỉnh là kênh thông tin chính thức phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh; cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân; góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, đội ngũ biên tập viên đã chủ động tham dự các sự kiện, hội nghị; sưu tầm, khai thác tài liệu để biên tập, đăng tải tin, bài theo đúng quy định. Qua đó, kịp thời thông tin, tuyên truyền về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh; hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh; hoạt động của các sở, ban, ngành, địa phương đến công chúng. Trong quý III, Cổng đã đăng tải 1.303 tin, bài, trong đó có 348 tin nổi bật.

Trên Kênh Tiếp nhận xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân đã tiếp nhận 12 ý kiến phản ánh của công dân gửi đến, 0 ý kiến của doanh nghiệp; cập nhật công khai lên Chuyên mục Chính quyền với công dân 39 tin; Chính quyền với doanh nghiệp 13 tin. Cùng với nâng cao chất lượng nội dung, tiếp tục đổi mới hình thức thông tin, tuyên truyền trên Cổng TTĐT tỉnh theo hướng hiện đại, trực quan và đa phương tiện (Thiết kế hệ thống logo, banner tuyên truyền phục vụ các sự kiện của tỉnh; tăng cường sản xuất các sản phẩm truyền thông số với 35 video điểm tin chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh, điểm tin hoạt động của UBND tỉnh hằng tuần video "Điểm tin Công báo" và 19 infographic đăng tải trên chuyên trang Multimedia).

Một số cơ quan, địa phương có tổ chức các cuộc thi tuyên truyền CCHC như Sở Y tế tổ chức Cuộc thi xây dựng video tuyên truyền về công tác cải cách hành chính năm 2026 của ngành Y tế tỉnh Quảng Trị (Chủ đề: Đổi mới quy trình - Nâng cao chất lượng phục vụ); Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức "Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu Cải cách hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường năm 2026"; Phường Quảng Trị tổ chức cuộc thi trực tuyến tìm hiểu chuyển đổi số và cải cách hành chính.

4. Kiểm tra cải cách hành chính

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 1709/KH-UBND ngày 01/4/2026 về kiểm tra công tác CCHC tỉnh năm 2026, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 thành lập Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh năm 2026. Đoàn đã tổ chức kiểm tra CCHC tại 16 xã, phường¹; 03 sở, ngành² và đã Thông báo kết quả kiểm tra CCHC đối với 16 xã, phường. Qua kiểm tra, đã kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế cũng như các khó khăn, vướng mắc trong công tác CCHC tại các địa phương, đơn vị từ đó đề ra các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục để góp phần nâng cao chỉ số CCHC của địa phương, đơn vị nói riêng và của tỉnh nói chung, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp.

¹ Hướng Phùng, Cam Lộ, Vĩnh Hoàng, Đông Hà; Đakrông, Ái Tử, Vĩnh Định, Đồng Sơn, Đồng Thuận, Đồng Lê, Tuyên Bình, Tân Gianh, Trung Thuần, Minh Hóa, Quảng Trạch, Lệ Thủy

² Ngoại vụ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tư pháp

5. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Số nhiệm vụ Chính phủ giao tỉnh Quảng Trị qua Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ là 155 nhiệm vụ. Đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã hoàn thành đúng hạn 89 nhiệm vụ, đang thực hiện 66 nhiệm vụ trong hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL

Chỉ đạo Sở Tư pháp góp ý 58 lượt dự thảo văn bản QPPL và thẩm định 67 lượt dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh và văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình; trên cơ sở đó HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 55 văn bản QPPL (29 Quyết định và 26 Nghị quyết) để thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, cụ thể hóa kịp thời các quy định pháp luật do cơ quan có thẩm quyền ở trung ương ban hành thành các quy phạm pháp luật, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và là cơ sở của hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn trên các lĩnh vực giáo dục đào tạo, đất đai, nông nghiệp, kế hoạch đầu tư, nội vụ, văn hóa, khoa học, công nghệ, dân tộc, y tế, du lịch.

Về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật: UBND tỉnh tự kiểm tra 28 Quyết định do UBND tỉnh ban hành và 01 Quyết định do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành (đạt 100%); kiểm tra theo thẩm quyền 08 văn bản do HĐND và UBND cấp xã gửi đến. Qua kiểm tra, cho thấy các văn bản QPPL được ban hành đúng trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

Về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện Kế hoạch số 1915/KH-UBND ngày 16/4/2026 của UBND tỉnh về tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL, trên cơ sở kết quả rà soát của các sở, ban, ngành, địa phương, UBND tỉnh ban hành Báo cáo sơ bộ về tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL³ gửi Bộ Tư pháp - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Trung ương đảm bảo đúng tiến độ theo yêu cầu. Hiện nay, tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục triển khai nhiệm vụ này để tổng hợp Báo cáo chính thức kết quả tổng rà soát gửi Bộ Tư pháp đảm bảo đúng tiến độ được giao.

Đối với việc tham mưu xử lý các văn bản do 2 tỉnh trước sắp xếp ban hành: UBND tỉnh chỉ đạo⁴ các sở, ngành tiếp tục xử lý các văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn hoàn thành chậm nhất ngày 31/12/2026 để đảm bảo theo thời hạn được quy định trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số

³ Báo cáo số 228/BC-STP ngày 06/7/2026

⁴ Công văn số 3345/UBND-NC ngày 09/7/2026

190/2025/QH15 của Quốc hội là trước ngày 01/3/2027. Đến nay, HĐND tỉnh và UBND tỉnh xử lý 562/835 văn bản đạt 66,7% số văn bản cần xử lý.

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

UBND tỉnh ban hành 05 báo cáo tổng kết thi hành các Bộ luật, Luật và Thông tư⁵. Bên cạnh đó, chỉ đạo Sở Tư pháp ban hành Phương án điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm chức năng; xây dựng mẫu phiếu, tổ chức khảo sát và tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát theo dõi tình hình thi hành pháp luật an toàn thực phẩm đối với thực phẩm chức năng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026⁶; báo cáo Bộ Tư pháp về kết quả rà soát các quy định pháp luật có mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng trên địa bàn⁷; hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện các quy định về tổng đạt giấy tờ của nước ngoài theo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành⁸.

1.3. Tình hình thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Trong Quý III, đã tổ chức 06 Lớp tập huấn, gồm: 02 Lớp cập nhật kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ công tác tư pháp năm 2026 cho đội ngũ công chức tư pháp cấp xã và đội ngũ phụ trách công tác thi hành pháp luật, đấu giá tài sản các sở, ngành và UBND cấp xã với 159 người tham gia và 04 Lớp phổ biến tập huấn kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở tại các xã Hải Lăng, Lao Bảo với gần 400 người tham gia; 01 Hội nghị báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh Kỳ II năm 2026, tập trung trang bị kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo (AI) và hướng dẫn kỹ năng ứng dụng các công cụ AI trong công tác chuyên môn với 150 người tham gia là các báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh; phát hành 04 số bản tin với 6.390 cuốn Bản tin Tư pháp; cung cấp 12 file ghi âm 12 chuyên đề⁹ gửi UBND cấp xã để phát trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở; biên soạn chuyên mục “Hỏi đáp pháp luật”, giới thiệu văn bản mới, chuyên mục “Tiêu điểm chính sách”; đăng tải các lượt tin, bài viết đăng trên Trang Thông tin điện tử Sở Tư

⁵ Các Báo cáo: 215/BC-UBND ngày 29/6/2026 tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật Tổ tụng dân sự; số 227/BC-UBND ngày 06/7/2026 tổng kết thi hành Bộ luật Dân sự năm 2015; số 269/BC-UBND ngày 27/7/2026 báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành Luật Tổ tụng hành chính; số 295/BC-UBND ngày 20/8/20236 của UBND tỉnh tổng kết Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL.

⁶ Báo cáo số 3194/BC-STP ngày 20/8/2026 tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát theo dõi tình hình thi hành pháp luật an toàn thực phẩm đối với thực phẩm chức năng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026.

⁷ Công văn số 2683/STP-PBGDPL&TDTHPL ngày 16/7/2026 báo cáo kết quả rà soát các quy định pháp luật có mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng.

⁸ Công văn số 2791/STP-PBGDPL&TDTHPL ngày 24/7/2026 triển khai thực hiện Công văn số 5380/BTP-PLQT&GQTCĐTQT ngày 16/7/2026 của Bộ Tư pháp về việc thực hiện Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và Kế hoạch số 638/KH-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị

⁹ Một số quy định của: Luật An ninh mạng; Luật Tiếp cận thông tin; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Tiết kiệm, chống lãng phí...

pháp; Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Trị; Trang Facebook: Phổ Biến Pháp Luật (Quảng Trị) và Fanpage: PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT - Quảng Trị; Trang Zalo: Phổ biến, giáo dục pháp luật Quảng Trị; Trang Youtube: Phổ biến, giáo dục pháp luật Quảng Trị; TikTok: PBGDPL QUẢNG TRỊ để tuyên truyền, PBGDPL cho cán bộ và Nhân dân trên địa bàn tỉnh, trong đó có nội dung pháp luật về cải cách hành chính.

Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh hoàn thành công tác kiểm tra tại 06 đơn vị, gồm: kiểm tra tình hình thực hiện công tác PBGDPL năm 2026 tại Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo; kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại UBND xã Cồn Tiên, xã Hòa Trạch¹⁰.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Về công bố, công khai TTHC

UBND tỉnh công bố, công khai TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý ngành, lĩnh vực theo đúng quy định ngay sau khi các bộ, ngành Trung ương ban hành văn bản quy phạm pháp luật và công bố các TTHC. Theo đó, trong quý III/2026, UBND tỉnh ban hành 102 Quyết định công bố 948 TTHC, trong đó ban hành mới 165 TTHC, sửa đổi, bổ sung 533 TTHC và bãi bỏ 250 TTHC.

Cùng với đó, UBND tỉnh công bố đầy đủ các TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau theo quy định. Đã ban hành 14 Quyết định công bố 103 TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính theo ngành, lĩnh vực quản lý. Công khai đầy đủ 2.079 TTHC, trong đó thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh có 1.682 TTHC, cấp xã: 397 TTHC, đã xây dựng 100% quy trình điện tử để phục vụ vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

2.2. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC

Trong Quý III/2026, tỉnh tiếp tục nghiên cứu, tham mưu xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2026; trên cơ sở đó kiến nghị đơn giản hóa những TTHC hoặc nhóm TTHC phát sinh nhiều hồ sơ, nhiều vướng mắc, bất cập, có tỷ lệ yêu cầu bổ sung hồ sơ cao. Trong đó chú trọng đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các thành phần hồ sơ, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và đã được tích hợp trên VNeID. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 2321/KH-UBND ngày 15/5/2026 rà soát, đơn giản hóa TTHC, TTHC nội bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh. Đã cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh theo Nghị quyết của

¹⁰ Kế hoạch số 62/KH-HĐPH ngày 22/5/2026 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) tỉnh về kiểm tra công tác PBGDPL, hoà giải ở cơ sở, đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026; Báo cáo số 3247/BC-ĐKT ngày 25/08/2026; Báo cáo số 224/BC-MTTQ-BTT ngày 26/8/2026.

Chính phủ¹¹ với tổng số gần 500 TTHC. Theo kế hoạch của UBND tỉnh, đã đề xuất bãi bỏ 01 TTHC, cắt giảm thành phần hồ sơ của 05 TTHC, đồng thời rút ngắn thời gian giải quyết của 53 TTHC, với mức cắt giảm bình quân khoảng 30% thời gian giải quyết; cắt giảm được từ 20% đến 35% chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện TTHC. Hiện các sở, ngành đã ban hành Quyết định công bố Danh mục TTHC và phê duyệt quy trình theo phương án cắt giảm, đơn giản hoá theo Quyết định phê duyệt. Rà soát, thống kê và đề xuất đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và chia sẻ cơ sở dữ liệu.

2.3. Về giải quyết TTHC

a) Việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh

Trong kỳ báo cáo, toàn tỉnh có 88.969 hồ sơ cần giải quyết, trong đó:

- Từ kỳ trước chuyển qua: 17.597 hồ sơ.
- Hồ sơ tiếp nhận mới: 71.374 hồ sơ (trực tuyến: 65.828 hồ sơ, đạt tỷ lệ 92,23% (trong đó, số hồ sơ trực tuyến toàn trình là 44.737 hồ sơ, chiếm 67,96%, số hồ sơ trực tuyến một phần là 21.091 hồ sơ, chiếm 32,04%); trực tiếp: 5.546 hồ sơ, chiếm 7,77%).
- Hồ sơ đã giải quyết: 68.673 hồ sơ, đạt 77,19% trên tổng số hồ sơ cần giải quyết. Trong đó có 862 hồ sơ đã giải quyết quá hạn, chiếm 1,26%.
- Hồ sơ đang giải quyết: 20.296 hồ sơ. Trong đó có 58 hồ sơ đang giải quyết quá hạn, chiếm 0,29%.

b) Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

Tổng số hồ sơ cần giải quyết: 62.115 hồ sơ. Trong đó:

- Từ kỳ trước chuyển qua: 12.235 hồ sơ
- Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới: 49.880 hồ sơ (trực tuyến: 45.029 hồ sơ, đạt tỷ lệ 90,27% (trong đó, số hồ sơ trực tuyến toàn trình là 39.132 hồ sơ, chiếm 86,90%, số hồ sơ trực tuyến một phần là 5.897 hồ sơ, chiếm 13,10%); trực tiếp: 4.851 hồ sơ, chiếm 9,73%).
- Đã giải quyết và trả kết quả: 49.074 hồ sơ, đạt 79,01% trên tổng số hồ sơ cần giải quyết. Cụ thể:
 - + Giải quyết sớm hạn: 48.431 hồ sơ, đạt 98,69%;
 - + Giải quyết đúng hạn: 18 hồ sơ, đạt 0,04%;

¹¹ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về Quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu.

+ Giải quyết quá hạn: 625 hồ sơ, chiếm 1,27% (trong đó, các đơn vị có nhiều hồ sơ đã giải quyết quá hạn: Sở Nông nghiệp và Môi trường có 603 hồ sơ; Sở Tài chính: 21 hồ sơ).

- Tổng số hồ sơ đang giải quyết: 13.041 hồ sơ. Số hồ sơ đang giải quyết quá hạn: 26 hồ sơ, chiếm 0,2% (trong đó, các đơn vị có nhiều hồ sơ đang giải quyết quá hạn: Sở Nông nghiệp và Môi trường có 18 hồ sơ; Sở Tài chính có 07 hồ sơ).

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh là 70 hồ sơ; đã hoàn thành và trả kết quả: 176 hồ sơ (bao gồm hồ sơ tồn kỳ trước chuyển sang).

- Thành lập mới doanh nghiệp:

Trong kỳ báo cáo, đã tiếp nhận 801 hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (với 100% hồ sơ trực tuyến), trong đó: 306 hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, 495 hồ sơ đăng ký thành lập đơn vị trực thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh...).

Số liệu lũy kế từ ngày 01/01/2026 đến nay, đã tiếp nhận 2.088 hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (với 100% hồ sơ trực tuyến), trong đó: 1.071 hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, 1.014 hồ sơ đăng ký thành lập đơn vị trực thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh...).

c) Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm PVHCC cấp xã

Tổng số hồ sơ cần giải quyết: 26.854 hồ sơ. Trong đó:

- Từ kỳ trước chuyển qua: 5.360 hồ sơ

- Hồ sơ tiếp nhận mới: 21.494 hồ sơ (trực tuyến: 20.799 hồ sơ, đạt tỷ lệ 96,77% (trong đó, số hồ sơ trực tuyến toàn trình là 5.605 hồ sơ, chiếm 26,95%, số hồ sơ trực tuyến một phần là 15.194 hồ sơ, chiếm 73,05%); trực tiếp: 695 hồ sơ, chiếm 3,23%).

- Đã giải quyết và trả kết quả: 19.599 hồ sơ, đạt 72,94% trên tổng số hồ sơ cần giải quyết. Cụ thể:

+ Giải quyết sớm hạn: 19.218 hồ sơ, đạt 98,06%;

+ Giải quyết đúng hạn: 144 hồ sơ, đạt 0,73%;

+ Giải quyết quá hạn: 237 hồ sơ, chiếm 1,21%.

- Tổng số hồ sơ đang giải quyết: 7.255 hồ sơ. Số hồ sơ đang giải quyết quá hạn: 32 hồ sơ, chiếm 0,44%.

2.4. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

a) Triển khai trên toàn tỉnh

Tiếp tục duy trì ổn định hoạt động, thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, hồ sơ liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, đảm bảo phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp; hướng dẫn, giám sát quá trình xử lý, trả kết quả cho người dân và doanh nghiệp; bảo đảm đúng hạn, công khai, minh bạch; tăng cường triển khai dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết nối liên thông các phần mềm quản lý, bảo đảm an ninh an toàn, bảo mật dữ liệu.

Tiếp tục bám sát kế hoạch, lộ trình triển khai Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ BCCI đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” cho giai đoạn 1, 2 và 3¹²; rà soát các đơn vị, địa phương đưa vào triển khai giai đoạn 3 với 03 đơn vị cấp tỉnh và 18 xã, phường. Tổ chức cuộc họp giao ban trực tuyến với 42 xã, phường triển khai để đánh giá kết quả triển khai Đề án BCCI giai đoạn 1 và 2; trao đổi, thảo luận và thống nhất giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện¹³, đảm bảo triển khai Đề án đúng tiến độ và quy định. Đồng thời, phối hợp với Bưu điện tỉnh rà soát công tác bố trí nhân sự kịp thời thay thế ở cấp xã, không ảnh hưởng đến việc giải quyết TTHC; hoàn thiện phần mềm tính sản lượng BCCI, phục vụ việc đối soát sản lượng của các địa phương và công tác thanh toán sản lượng của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Đến nay, Đề án đã bước đầu phát huy hiệu quả, góp phần đổi mới phương thức phục vụ người dân, giảm tải công việc cho công chức tại Bộ phận Một cửa và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

b) Triển khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

Tiếp tục thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, hồ sơ liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, đảm bảo phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp; hướng dẫn, giám sát quy trình xử lý, trả kết quả cho người dân và doanh nghiệp; bảo đảm đúng hạn, công khai, minh bạch; tăng cường triển khai DVC trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết nối liên thông các phần mềm quản lý, bảo đảm an ninh an toàn, bảo mật dữ liệu.

Báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC; kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC tại Cơ sở 1, Cơ sở 2 và các xã, phường, đặc khu đề

¹² Kế hoạch 413/KH-HCC ngày 28/8/2026 của Trung tâm PVHCC tỉnh về việc Ban hành kế hoạch triển khai Đề án BCCI giai đoạn 3;

¹³ Thông báo số 368/TB-HCC ngày 04/8/2026 của Trung tâm PVHCC tỉnh về việc thông báo kết luận họp đánh giá kết quả triển khai Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ BCCI đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” giai đoạn 1 và 2.

chủ động tham mưu lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Thực hiện niêm yết đầy đủ, rõ ràng các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành bằng nhiều hình thức: bảng niêm yết giấy, niêm yết bằng mã QR, niêm yết bằng điện tử trên các thiết bị tra cứu thông tin,... nhằm bảo đảm người dân, doanh nghiệp có thể nắm bắt kịp thời, chính xác quy trình, hồ sơ, thời hạn giải quyết của các TTHC, đáp ứng yêu cầu minh bạch, hiện đại hóa nền hành chính tại Trung tâm.

Thường xuyên theo dõi, giám sát việc tiếp nhận, giải quyết TTHC, cập nhật hồ sơ, số hóa kết quả TTHC, cung cấp DVC trực tuyến, thanh toán trực tuyến. Chấn chỉnh tình trạng xử lý hồ sơ TTHC chậm trễ, quá hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và của Bộ chuyên ngành được kết nối, đồng bộ lên Cổng DVC quốc gia; trong đó yêu cầu các sở, ngành, địa phương nghiêm túc rút kinh nghiệm, báo cáo giải trình về tình trạng chậm trễ trong tiếp nhận và giải quyết TTHC; đồng thời khẩn trương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị, địa phương xử lý dứt điểm các hồ sơ TTHC hiện đang còn tồn đọng, quá hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và trên Cổng DVC quốc gia.

Tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến; số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC: Tính đến ngày 09/9/2026, đã xây dựng và cung cấp 2.063 DVC trực tuyến (1.627 DVC toàn trình, 436 DVC một phần), đạt 99,2% tổng số 2.079 TTHC; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 99,43%; tỷ lệ hồ sơ được đồng bộ đầy đủ trên Cổng DVC quốc gia đạt 100%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 95,02%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 95,01%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 97,42%.

2.5. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính

Trong Quý III/2026, toàn tỉnh đã tiếp nhận và chuyển xử lý 65 phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân thông qua Hệ thống phản ánh, kiến nghị trên Cổng dịch vụ công quốc gia. 100% phản ánh được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xử lý, trả lời trong thời hạn quy định và thông báo kết quả kịp thời cho người dân. Công tác tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị được triển khai nghiêm túc, đúng quy trình, bảo đảm tính công khai, minh bạch, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan hành chính nhà nước.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Về sắp xếp, tổ chức bộ máy

UBND tỉnh ban hành Đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ; Đề án tổng thể về sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh

Quảng Trị và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án¹⁴; Quyết định thành lập 03 Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND tỉnh¹⁵; thành lập, tổ chức lại 19 đơn vị làm nhiệm vụ quản lý dự án, phát triển quỹ đất cấp xã thành 17 Ban và thành lập mới 16 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND cấp xã; Quyết định chuyển giao, bố trí nhân sự cho các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp tỉnh, cấp xã sau khi thành lập, đồng thời thẩm định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Ban theo đúng quy định; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình hoạt động và đề xuất gia hạn đối với 02 Ban quản lý dự án; giải thể Ban quản lý dự án Môi trường và biến đổi khí hậu Đồng Hới. Ban hành Đề án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo¹⁶; phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài chính và Sở Công Thương. Thẩm định việc thành lập, kiện toàn các tổ chức phối hợp liên ngành¹⁷.

UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo tiếp tục triển khai và giao đầu mối thực hiện nhiệm vụ phân cấp, phân quyền, ủy quyền trên địa bàn tỉnh.

Cho phép tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2026-2031 đối với 02 hội; thông báo kết quả đại hội nhiệm kỳ 2026-2031 đối với 02 hội; đổi tên đối với 01 Quỹ; công nhận Hội đồng quản lý Quỹ đối với 02 Quỹ; công nhận Điều lệ, Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) đối với 02 Quỹ; bổ sung BCH, BTV, PCT Hội Thủy sản tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2023-2028; báo cáo BTV Đảng ủy UBND tỉnh xin ý kiến về tổ chức và hoạt động của Hội Hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc tỉnh. UBND tỉnh đổi tên Quỹ Phát triển những con đường hoa tỉnh Quảng Trị thành Quỹ Phát triển con đường hoa và công nhận Điều lệ Quỹ Phát triển con đường hoa. Hướng dẫn về việc giao nhiệm vụ và hỗ trợ kinh phí đối với các Hội năm 2026.

3.2. Về quản lý biên chế

UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương về giao biên chế cán bộ công chức, số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2026 trong các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc khối chính quyền địa phương, trước khi trình HĐND tỉnh thông qua;

¹⁴ Thực hiện sắp xếp từ 831 cơ sở giáo dục thuộc UBND cấp xã trước sắp xếp còn 372 cơ sở, giảm 459 cơ sở, tương ứng tỷ lệ giảm 55,23%.

¹⁵ Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình giao thông;

¹⁶ Sắp xếp từ 82 cơ sở thành 68 cơ sở, giảm 14 cơ sở so với thời điểm 01/7/2025, đạt tỷ lệ 17,07%.

¹⁷ Hội đồng và Tổ tư vấn Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm tỉnh; Hội đồng thẩm định xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, đạt NTM hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Ban tổ chức các hoạt động "theo dấu chân 100 năm cà phê Khe Sanh" trong khuôn khổ Lễ hội Vì Hòa bình năm 2026; Ban Tổ chức Cuộc thi Khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Quảng Trị; Hội đồng nghĩa vụ Quân sự tỉnh.

Quyết định giao hợp đồng VTVL chuyên môn, nghiệp vụ và hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2026-2027. Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề xuất biên chế giai đoạn 2027-2031 gửi Ban Tổ chức Trung ương.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Xây dựng, ban hành quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

UBND tỉnh quyết định phê duyệt vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm đối với 14 cơ quan chuyên môn; 02 tổ chức hành chính thuộc tỉnh và Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc UBND 78 xã, phường, đặc khu.

Chỉ đạo Sở Nội vụ hướng dẫn xây dựng, phê duyệt vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; thẩm định vị trí việc làm của 12 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Tuyển dụng, điều động công chức, viên chức

Trong quý III/2026, tỉnh không tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh; văn bản về chủ trương biệt phái viên chức làm việc tại vị trí việc làm công chức; văn bản về việc bố trí cán bộ công chức viên chức làm việc tập trung tại trung tâm chính trị - hành chính tỉnh; Quyết định ban hành Quy định và các Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng các cơ quan chuyên môn, cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu; văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc xây dựng và ban hành Bộ công cụ đánh giá hiệu quả công việc (KPI) đối với cán bộ công chức viên chức trong các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh cho ý kiến đối với kết quả đánh giá, xếp loại cấp trường các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026.

UBND tỉnh Quyết định phân cấp thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh về tuyển dụng, sử dụng, thôi việc và nghỉ hưu đối với công chức trên địa bàn tỉnh. Quyết định tiếp nhận 01 công chức từ khối Đảng đến công tác tại Sở Giáo dục và Đào tạo; tiếp nhận 02 viên chức tại Bệnh viện Đa khoa Quảng Trạch thuộc Sở Y tế. Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với 02 viên chức, nâng bậc lương thường xuyên đối với 03 viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh quản lý; Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với 04 viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh quản lý; Quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với 01 công chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Quyết định chuyển giao nhân sự Ban quản lý dự án Môi trường và Biển đổi khí hậu thành phố Đồng Hới đến Ban quản lý Công trình giao thông thuộc UBND tỉnh. Tiếp nhận 02 viên chức tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Trạch thuộc Sở Y tế.

Đôn đốc rà soát, cập nhật, hoàn thiện dữ liệu trên Phần mềm Quản lý hồ sơ CBCCVC; hướng dẫn triển khai đánh giá, đề xuất xếp loại quý III/2026 đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh quản lý.

- Đối với cấp xã: Quyết định, thống nhất điều động, tiếp nhận 66 công chức; 12 viên chức. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu, xử lý kỷ luật hành chính đối với 26 trường hợp tại các xã, phường, đơn vị sự nghiệp liên quan theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6077/VP-NC ngày 16/7/2026. Chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nghỉ việc do cơ cấu, kiện toàn nâng cao chất lượng đội ngũ.

4.3. Bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật công chức, viên chức

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại người đứng đầu, cử phụ trách 05 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc 03 sở¹⁸; Thực hiện công tác cán bộ tại các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.

Quyết định phê duyệt danh sách công chức viên chức được hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP đối với 18 trường hợp ở cấp tỉnh.

Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với 05 công chức, 04 viên chức; nâng bậc lương thường xuyên đối với 03 viên chức; Quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ BHXH đối với 01 công chức, 01 viên chức; Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với 05 viên chức.

Chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng các Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Người đứng đầu các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp xã.

UBND tỉnh Quyết định ban hành Quy định và các Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng các cơ quan chuyên môn, cơ quan, ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu; đánh giá, xếp loại cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh quản lý quý II/2026 và cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026.

¹⁸ Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường

Đối với cấp xã: UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 65/2013/NQ-HĐND ngày 18/7/2013 của HĐND tỉnh Quảng Bình xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh khóa XVI bầu; Nghị quyết Quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Chủ tịch UBND tỉnh phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã Triệu phong, Phó Chủ tịch UBND xã Tân Lập, Phó Chủ tịch UBND xã Cửa Việt nhiệm kỳ 2026 - 2031; Quyết định xử lý kỷ luật hành chính đối với 06 cán bộ vi phạm; Phê duyệt danh sách công chức cấp xã hưởng chế độ theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP đối với 04 trường hợp tại vị trí việc làm chuyên viên về công nghệ thông tin; Phê duyệt danh sách công chức viên chức cấp xã nghỉ việc theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và kinh phí thực hiện đối với 136 công chức viên chức, 04 người hoạt động không chuyên trách tại BCH Quân sự xã, nghỉ từ tháng 7,8,9/2026.

4.4. Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị

Hội đồng xét thăng hạng tổ chức Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tỉnh Quảng Trị (vòng 2) và tổng hợp kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

4.5. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch 3743/KH-UBND ngày 29/7/2026 Kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở tỉnh Quảng Trị năm 2026; Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở tỉnh Quảng Trị năm 2026. Đoàn đã tổ chức kiểm tra tại 01 xã trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện mô hình chính quyền 2 cấp, trong quý III, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn được giao; chấp hành thời gian làm việc theo quy định.

4.6. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ các lĩnh vực thiết yếu cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh;

Chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030, gửi lấy ý kiến các sở, ban, ngành, địa phương. Rà soát lại dự toán kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.

UBND tỉnh đã quyết định cử công chức tham gia khóa bồi dưỡng tại nước ngoài đối với 04 trường hợp (Sở Y tế: 02; Sở Ngoại vụ: 01; Sở Giáo dục và Đào

tạo: 01). Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với việc cử cán bộ tham gia khóa bồi dưỡng tại Hàn Quốc do KOICA tài trợ đồng thời có văn bản báo cáo Bộ Tài chính về việc cử 01 cán bộ tham dự khóa bồi dưỡng nêu trên.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả thực hiện các quy định quản lý tài chính - ngân sách

Năm 2026, công tác quản lý, điều hành thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai quyết liệt, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh. Các cơ quan thuế, hải quan cùng các sở, ngành, địa phương đã tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp khai thác nguồn thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện đến nay là 8.446,581 tỷ đồng, đạt 62,05% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 81,60% so với cùng kỳ năm trước. Nhiều khoản thu đạt khá và vượt tiến độ dự toán như: thu doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 93,32%; thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 151,03%; thuế thu nhập cá nhân đạt 91,24%; phí và lệ phí đạt 93,80%; cổ tức, lợi nhuận được chia đạt 123,27%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 137,81%.

Công tác điều hành chi ngân sách được thực hiện chủ động, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 được HĐND tỉnh quyết định là 27.289,054 tỷ đồng; ước thực hiện đến nay là 20.786,614 tỷ đồng, đạt 76,17% dự toán địa phương giao, đạt 78,83% dự toán Trung ương giao, trong đó: Chi đầu tư phát triển: 6.687,396 tỷ đồng, đạt 141,23% dự toán. Chi thường xuyên: 13.984,909 tỷ đồng, đạt 76,10% dự toán.

Nhìn chung, công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước được thực hiện chủ động, linh hoạt, góp phần bảo đảm cân đối ngân sách địa phương, đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán được giao, đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

5.2. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công

Thực hiện các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh, năm 2026, tiếp tục xác định giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của các cấp, các ngành, địa phương, là động lực quan trọng góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 10,6%, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo khẩn trương, quyết liệt công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Tình hình giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch năm 2026 đến ngày nay là 2.920.215 triệu đồng, đạt 44,36% kế hoạch vốn

Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương (KHV: 6.583.612 triệu đồng). Nguyên nhân chậm giải ngân vốn đầu tư công:

- Công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB phục vụ thi công dự án còn chậm do khó khăn trong việc xác định nguồn gốc đất, giá đất, tính pháp lý hồ sơ thửa đất; người dân chưa đồng thuận với phương án bồi thường, tái định cư; trong đó có nhiều dự án có kế hoạch vốn khá lớn.

- Nguồn thu sử dụng đất chưa đạt tiến độ theo kế hoạch đề ra ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân; một số nhà thầu thi công cầm chừng do huy động nguồn nhân công khó khăn ảnh hưởng chung đến tiến độ và giải ngân.

5.3. Kết quả thực hiện quy định quản lý, sử dụng tài sản công

Để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng, xử lý và khai thác tài sản công, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 51/2026/QĐ-CTUBND ngày 30/6/2026 về phân cấp thẩm quyền quản lý, xử lý và khai thác tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Kết quả quản lý, sử dụng nhà, đất công:

- Tổng số cơ sở nhà, đất phê duyệt đến nay là 3.364/4.981 cơ sở nhà, đất, trong đó: Giữ lại tiếp tục sử dụng: 2.566 cơ sở; Điều chuyển: 165 cơ sở; Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: 633 cơ sở.

- Hiện nay, có 646 cơ sở nhà, đất dôi dư trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án. Trong đó, có 589 cơ sở nhà, đất thuộc địa phương và 57 cơ sở nhà đất của Trung ương chuyển giao về địa phương. Có 03 cơ sở điều chuyển cho trường học, cơ quan đơn vị quản lý sử dụng, 643 cơ sở nhà đất có phương án phê duyệt nhưng chưa đưa vào khai thác hay xử lý cụ thể.

5.4. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; cùng các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, Quý III năm 2026, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 ban hành bổ sung Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Kết quả tổng hợp như sau: Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh: 733 đơn vị, gồm:

(1) Đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh: 172 đơn vị, trong đó: Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: 05 đơn vị; Tự bảo đảm chi thường xuyên: 36 đơn vị; Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 83 đơn vị; Do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 48 đơn vị.

(2) Đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã: 561 đơn vị, trong đó: Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: 0 đơn vị; Tự bảo đảm chi thường xuyên: 36 đơn vị; Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 0 đơn vị; Do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 525 đơn vị.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

6.1. Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 về việc giao nhiệm vụ thẩm định các dự án, hoạt động chuyển đổi số sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh; Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 về việc giao nhiệm vụ thẩm định dự án đầu tư chuyển đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước chi cho đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh; Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành chuyển đổi số của tỉnh¹⁹.

6.2. Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng số trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp và mở rộng nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai các nền tảng số, hệ thống thông tin và dịch vụ số phục vụ hoạt động quản lý nhà nước cũng như nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Mạng cáp quang băng rộng đã được phủ đến 100% trung tâm xã, phường, đặc khu. Hạ tầng cáp quang băng rộng tiếp tục được mở rộng đến các khu vực dân cư, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu kết nối, khai thác dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước.

Đến nay, tổng số trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 6.078 trạm (2.078 trạm 3G, 3.437 trạm 4G; 563 trạm 5G); Tỷ lệ phủ sóng mạng di động băng rộng 4G đạt khoảng 99,5% dân số; Tỷ lệ phủ sóng mạng 5G đạt khoảng 83,5% (tăng 9,3% so với năm 2025). Triển khai kế hoạch thực hiện xóa thôn, bản trắng sóng băng rộng cố định, băng rộng di động trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ nhắn tin SMS qua mạng viễn thông để tuyên truyền cảnh báo người dân trên địa bàn tỉnh về sử dụng rượu bia; thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động cung ứng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh,... Kiểm tra và chấp thuận phù hợp quy hoạch hạ tầng viễn thông tỉnh đối với 23 trạm thu phát sóng thông tin di động cho các doanh nghiệp viễn thông.

6.3. Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

¹⁹ Kế hoạch số 3380/KH-UBND ngày 10/7/2026 về triển khai Đề án nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) và Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035; Kế hoạch số 2817/KH-UBND, ngày 11/6/2026 về triển khai thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 về phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã hoàn thành tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đáp ứng mô hình Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất. Công khai đầy đủ 2.079 TTHC, trong đó thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh có 1.682 TTHC, cấp xã: 397 TTHC, đã xây dựng 100% quy trình điện tử để phục vụ vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Tiếp tục triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC các Bộ chuyên ngành theo mô hình tập trung. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 09/12/2025. Toàn tỉnh phát sinh khoảng 7175 hồ sơ thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính. Thời gian tới, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân; rà soát, hoàn thiện quy trình và hệ thống phục vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính; đồng thời tăng cường phối hợp, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện tại các địa phương để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Các nền tảng, dịch vụ, ứng dụng phục vụ người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội: Thu nhận hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử của doanh nghiệp, hợp tác xã đạt 88,7% (8.207/9.254). Thu nhận hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử đối với công dân thường trú từ đủ 06 tuổi trở lên đạt tỷ lệ 83,1% (1.409.671/1.695.795). Trong đó, số công dân thường trú từ đủ 06 tuổi đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đạt tỷ lệ 80,4% (1.364.163/1.695.795). Số công dân từ đủ 14 tuổi đăng ký tài khoản định danh điện tử đạt tỷ lệ 87,8% (1.252.404/1.426.819), vượt chỉ tiêu giao (81%). Trong đó, số công dân từ đủ 14 tuổi đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đạt tỷ lệ 84,6% (1.207.501/1.426.819).

Về kích hoạt tài khoản định danh điện tử được thu nhận hồ sơ, toàn tỉnh đã kích hoạt 208.539/265.997 tài khoản được thu nhận hồ sơ, đạt tỷ lệ 78,4%.

Tỷ lệ đăng ký chi trả lương hưu, chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản theo số liệu mới nhất của Bảo hiểm xã hội tỉnh) đạt 91,7% (69.640/75.962), vượt chỉ tiêu giao trong năm (91%). Tỷ lệ đăng ký chi trả không dùng tiền mặt đối với người có công đạt 76,1% (25.686/33.742), vượt chỉ tiêu giao trong năm (70%). Tỷ lệ đăng ký chi trả không dùng tiền mặt đối với đối tượng bảo trợ xã hội đạt 55,8% (66.011/118.401), vượt chỉ tiêu giao trong năm (40%).

Ứng dụng VNeID thay thế thẻ bảo hiểm y tế trong khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, đã có 73,8% (628.241/851.701) công dân có bảo hiểm y tế có hiệu lực tích hợp, tăng 15,8% so với đầu năm 2026. Có 100% trường học đã triển khai phương thức thanh toán học phí không dùng tiền mặt. Toàn ngành giáo dục có 4.486/4.503 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoàn thành kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2, đạt tỷ lệ 99,62%. Đồng thời, tích hợp nhiều tài khoản, an sinh xã hội lên ứng dụng VneID.

Các nền tảng, ứng dụng dùng chung: Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh đã triển khai hợp nhất và đã cấp phát và đưa vào sử dụng 24.221 tài khoản thư điện tử công vụ của cơ quan đảng, cơ quan chính quyền. Việc gửi nhận thư điện tử công vụ diễn ra thông suốt, hiệu quả là công cụ hỗ trợ trong trao đổi công việc giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Tỉnh cũng đã vận hành Hệ thống báo cáo số của UBND tỉnh kết nối với Hệ thống báo cáo quốc gia, giúp giảm thời gian tổng hợp báo cáo định kỳ; 100% chỉ tiêu báo cáo hành chính được nhập, cập nhật trên môi trường điện tử. Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh hoàn thành chuyển đổi, hợp nhất và hoạt động từ 01/01/2026. Hệ thống đã tích hợp phần mềm Theo dõi nhiệm vụ của UBND tỉnh. Hệ thống hoạt động ổn định, liên thông thông suốt 3 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, tiết kiệm chi phí hành chính. Đảm bảo 100% văn bản đi/đến (trừ văn bản mật) được xử lý trên môi trường mạng. Hệ thống đổi nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã hỗ trợ theo dõi, đôn đốc tiến độ 1.754 nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các đơn vị, địa phương. Đã hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh triển khai dùng thử Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc chứa nội dung bí mật nhà nước dùng chung trong hệ thống hành chính nhà nước. 100% cán bộ, công chức đã sử dụng hệ thống để xử lý hồ sơ, công việc và theo dõi nhiệm vụ,... Tỷ lệ văn bản không mật được ký số, gửi, nhận trên môi trường mạng đạt mức rất cao trên 95%.

Ứng dụng QUANGTRI-S ghi nhận sự gia tăng rõ rệt về số lượng cài đặt với 10.400 lượt tải mới trên các kho ứng dụng App Store (iOS/iPadOS) và Google Play (Android), nâng tổng số lượt cài đặt lên 105.600 lượt. Đồng thời, hệ thống ghi nhận thêm 12.108 tài khoản đăng ký mới, đưa tổng số tài khoản trên toàn hệ thống lên 91.372 tài khoản.

Về kết quả xử lý phản ánh hiện trường: Tổng số phản ánh trên hệ thống là 3.116 phản ánh. Trong đó, đã tiếp nhận và chuyển xử lý 2.734 phản ánh, 382 phản ánh cập nhật kết quả từ chối xử lý do không đủ điều kiện tiếp nhận. Trong tháng, hệ thống đã tiếp nhận 303 phản ánh của tổ chức, cá nhân tại các địa phương trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Đã xử lý và trả kết quả 170 phản ánh; phê duyệt kết quả xử lý kỳ trước chuyển qua 88 phản ánh; có 26 phản ánh cập nhật kết quả từ chối xử lý do không đủ điều kiện tiếp nhận, nâng tổng số phản ánh đã xử lý trong tháng lên 284 phản ánh. Hiện tại, trên hệ thống còn 107 phản ánh đang được các cơ quan chức năng tiếp tục xử lý; Tương tác và đánh giá của người dân đối với kết quả xử lý của cơ quan chức năng: có 48 lượt đánh giá hài lòng (chiếm 54,5%); 11 lượt đánh giá chấp nhận (chiếm 12,5%); 29 lượt đánh giá không hài lòng (chiếm 33%). Tổng đài 082.456.1022 đã thực hiện 805 cuộc gọi đi và đến để tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân, đồng thời là kênh hỗ trợ trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương về quy trình, nghiệp vụ xử lý trên hệ thống phản ánh hiện trường.

6.4. Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

Hạ tầng dữ liệu của tỉnh đã có bước phát triển quan trọng khi các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đi vào hoạt động ổn định, thông suốt. Thông qua nền tảng LGSP, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia (VNeID).

Nền tảng Tổng hợp và phân tích dữ liệu tiếp tục được duy trì tại địa chỉ <https://tonghopdl.quangtri.gov.vn>. Đã kết nối, đồng bộ một số dữ liệu chuyên ngành về Trung tâm điều hành thông minh (IOC) phục vụ công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành. Hiện đang quản trị, vận hành hệ thống gồm 421 thiết bị (trong đó 333 camera an ninh trật tự, 57 camera an toàn giao thông, 27 camera giám sát ngập lụt và 04 camera giám sát cháy rừng). Thông qua việc khai thác dữ liệu từ IOC và các hệ thống thông tin, công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh từng bước được nâng cao theo hướng trực tuyến, minh bạch, kịp thời; hỗ trợ giám sát hoạt động của các ngành, lĩnh vực và phục vụ ra quyết định dựa trên dữ liệu số.

Các hệ thống chuyên ngành: Công an tỉnh tiếp tục duy trì các giải pháp bảo đảm dữ liệu dân cư “đúng, đủ, sạch, sống”; hoàn thành làm sạch 100% dữ liệu trẻ em khai sinh nhưng chưa đăng ký thường trú; Sở Nông nghiệp và Môi trường đôn đốc các địa phương thực hiện làm sạch, làm giàu CSDLQG về đất đai theo Kế hoạch số 3299/KH-UBND ngày 07/7/2026 của UBND tỉnh về việc tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành CSDLQG về đất đai theo số của Sở Nông nghiệp và Môi trường); Chương trình OCOP tiếp tục khẳng định vai trò là chương trình kinh tế nông thôn trọng điểm; đến nay toàn tỉnh có 395 sản phẩm OCOP còn thời hạn, trong đó có 03 sản phẩm 5 sao, 64 sản phẩm 4 sao và 328 sản phẩm 3 sao. Trong đó sản phẩm OCOP 5 sao của tỉnh đã chính thức được xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Mỹ. Toàn tỉnh hiện có 693 hợp tác xã nông nghiệp, số lượng hợp tác xã ứng dụng công nghệ và tham gia vào các chuỗi liên kết ngày càng tăng. Hiện có 100 hợp tác xã (chiếm 14,2%) đang ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Các hợp tác xã tiếp tục là lực lượng chủ lực trong chương trình OCOP, với 162 sản phẩm của 96 hợp tác xã đạt từ 3 sao trở lên. Toàn tỉnh có 1.927.700/2.422.928 thửa đất bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống", đạt tỷ lệ 79,6%. Ngành Tư pháp đôn đốc UBND các địa phương rà soát, làm sạch 79,5% (216.456/272.318) dữ liệu đăng ký khai sinh với CSDLQG về dân cư. Ngành Y tế đã triển khai và sử dụng đồng bộ các nền tảng số dùng chung của tỉnh như hệ thống thông tin bệnh viện (HIS), hệ thống quản lý xét nghiệm (LIS), hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế (RIS/PACS); Đồng bộ 45.934/45.934 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của tỉnh Quảng Trị lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về CBCCVC theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đạt tỷ lệ 100%, bảo đảm thống nhất, đầy đủ và kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu quốc gia của Bộ Nội vụ; đồng bộ thành công 332.635 học bạ số, đạt tỷ lệ 97,6%.

6.5. Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Đến nay, các nền tảng, ứng dụng số của tỉnh được triển khai tương đối đồng bộ, từng bước hình thành nền tảng kỹ thuật cho chính quyền số và đô thị

thông minh. Hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh được vận hành hiệu quả, tích hợp nhiều nguồn dữ liệu về kinh tế – xã hội, giải quyết thủ tục hành chính, giáo dục, y tế, phản ánh kiến nghị của người dân và một số lĩnh vực thiết yếu khác, qua đó hỗ trợ lãnh đạo tỉnh và các đơn vị trực thuộc theo dõi, giám sát, nắm bắt tình hình và ra quyết định điều hành kịp thời trên cơ sở dữ liệu thực tế. Cùng với đó, các ứng dụng, dịch vụ nội bộ của các ngành, lĩnh vực, địa phương cũng được triển khai, đang xây dựng các đề án nâng cấp, hoàn thiện, xây dựng 02 dự án “Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu không gian quản lý quy hoạch (SDI)” và “Xây dựng Hệ sinh thái Dữ liệu số và Môi trường Dữ liệu chung (CDE) Ngành Xây dựng, định hướng Đô thị thông minh và Bản sao số (Digital Twin)” cho giai đoạn 2026-2030 và của năm 2026; Đang triển khai Kho dữ liệu y tế tỉnh Quảng Trị và Hệ thống điều phối thông tin y tế. Xây dựng và đưa vào sử dụng "Thư viện điện tử ngành Nông nghiệp và Môi trường" tại địa chỉ thuviendientu.snnmt.quangtri.gov.vn.

6.6. Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được duy trì, nâng cấp, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, theo dõi trạng thái xử lý hồ sơ và nhận kết quả thuận tiện, minh bạch. Tiếp tục bám sát kế hoạch, lộ trình triển khai Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ BCCI đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” cho giai đoạn 1, 2 và 3; rà soát các đơn vị, địa phương đưa vào triển khai giai đoạn 3 với 03 đơn vị cấp tỉnh và 18 xã, phường. Tổ chức cuộc họp giao ban trực tuyến với 42 xã, phường triển khai để đánh giá kết quả triển khai Đề án BCCI giai đoạn 1 và 2; Cùng với đó, tỉnh đã triển khai các dịch vụ số hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin chính sách, dịch vụ thiết yếu và các tiện ích phục vụ đời sống hằng ngày thông qua các nền tảng số và kênh tương tác trực tuyến.

6.7. Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh

Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh được vận hành hiệu quả, tích hợp nhiều nguồn dữ liệu về kinh tế – xã hội, giải quyết thủ tục hành chính, giáo dục, y tế, phản ánh kiến nghị của người dân và một số lĩnh vực thiết yếu khác, qua đó hỗ trợ lãnh đạo tỉnh và các đơn vị trực thuộc theo dõi, giám sát, nắm bắt tình hình và ra quyết định điều hành kịp thời trên cơ sở dữ liệu thực tế. Trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, đã ứng dụng AI trong nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, từng bước thực hiện chuyển đổi số nông nghiệp và môi trường dựa trên nền tảng dữ liệu; từng bước thực hiện chuyển đổi số nông nghiệp và môi trường dựa trên nền tảng dữ liệu; xây dựng, khai thác các hệ thống dữ liệu lớn, dự báo số liệu ngành tài nguyên môi trường, điều tra, khảo sát về đất đai và tài nguyên môi trường.

6.8. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Thường xuyên theo dõi, giám sát việc tiếp nhận, giải quyết TTHC, cập nhật hồ sơ, số hóa kết quả TTHC, cung cấp DVC trực tuyến, thanh toán trực tuyến. Chấn chỉnh tình trạng xử lý hồ sơ TTHC chậm trễ, quá hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và của Bộ chuyên ngành được kết nối, đồng bộ lên Cổng DVC quốc gia; đồng thời khẩn trương chỉ đạo các đơn vị, địa phương trực thuộc (bao gồm cả UBND cấp xã) xử lý dứt điểm các hồ sơ TTHC hiện đang còn tồn đọng, quá hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và trên Cổng DVC quốc gia. Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình là 1682 DVC, trong đó 1627 DVCTT toàn trình, đạt 96,7%. Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức) là 1849, trong đó 1753 DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến, đạt 94,8%. Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp) là 48.506, trong đó 44.737 hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình.

7. Một số khó khăn, vướng mắc

Hiện nay, còn 66 TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành chưa được bộ quản lý chuyên ngành xây dựng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống bộ, ngành Trung ương²⁰, vì vậy khó khăn cho các địa phương triển khai thủ tục hành chính.

Hệ thống phản ánh, kiến nghị (<http://phananhkienngghi.dichvucong.gov.vn>) mới được triển khai, chưa đầy đủ thông tin như địa chỉ của người phản ánh, kiến nghị, Hệ thống chưa thể tự động tải dữ liệu về nội dung phản ánh, không có chức năng công khai lại phản ánh, kiến nghị, đối với các phản ánh, kiến nghị chờ bổ sung chưa có chức năng tự động kết thúc nếu quá thời hạn bổ sung phản ánh, kiến nghị dẫn đến các phản ánh, kiến nghị bị treo nếu công dân không bổ sung phản ánh, kiến nghị.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ IV

1. Tiếp tục Triển khai Kế hoạch kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ năm 2026, Kế hoạch tổ chức cuộc thi trực tuyến về CCHC trên địa bàn tỉnh. Tổ chức chấm điểm chỉ số CCHC năm 2026.

2. Tiếp tục theo dõi các cơ quan, đơn vị xây dựng, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật năm 2026, rà soát các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, gây cản trở trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. Thực hiện việc công bố, công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện thủ tục hành chính; thường xuyên theo dõi tiến độ để đôn đốc các cơ quan, đơn vị; rà soát, đơn giản hóa TTHC trong các ngành, lĩnh vực.

4. Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thực hiện rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong (cấp phòng) thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh (Sau khi cấp có thẩm quyền giao biên chế cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị). Xây dựng Kế hoạch biên chế

²⁰ Ban Quản lý Khu Kinh tế (29 TTHC lĩnh vực Đầu tư), Sở Tài chính (32 TTHC chủ yếu lĩnh vực Đầu tư), Sở Ngoại vụ (3 TTHC), 02 TTHC cấp xã lĩnh vực dân quân tự vệ.

năm 2027; Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, nhất là về tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, bảo đảm các cơ sở giáo dục sau sắp xếp hoạt động ổn định, liên tục, hiệu quả.

5. Bổ nhiệm cán bộ, điều động, chuyển công chức, viên chức theo quy định. Tiếp tục triển khai các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo tiến độ, nhất là bồi dưỡng kiến thức chuyên môn chuyên ngành cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định số 700/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

6. Tập trung tháo gỡ vướng mắc để hoàn thành Kế hoạch tài chính và giải ngân vốn. Nâng dần mức tự chủ kinh phí chi thường xuyên tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, tổ chức các cuộc đối thoại với doanh nghiệp để nắm bắt tình hình, cắt giảm các thủ tục, rào cản cho phát triển doanh nghiệp.

7. Đẩy mạnh khoa học công nghệ, thiết lập quy trình điện tử, số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác CCHC quý III/2026, triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm quý IV/2026, UBND tỉnh Quảng Trị kính báo cáo Bộ Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC_(Đ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bảo

Biểu mẫu 1: Chỉ đạo, điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản	03
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (<i>Lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	%	91,11
2.1	<i>Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	45
2.2	<i>Số nhiệm vụ đã hoàn thành</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	41
3	Kiểm tra CCHC		0
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	03
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	16
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100
3.3.1	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	<i>Vấn đề</i>	49
3.3.2	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	<i>Vấn đề</i>	49
4	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		
4.1	<i>Tổng số nhiệm vụ được giao</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	
4.1.1	<i>Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	
4.1.2	<i>Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	
4.1.3	<i>Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0
5.1	<i>Số lượng phiếu khảo sát</i>	<i>Số lượng</i>	
5.2	<i>Hình thức khảo sát</i>	<i>Trực tuyến = 0</i> <i>Phát phiếu = 1</i> <i>Kết hợp = 2</i>	0
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1

Biểu mẫu 2: Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	55	
1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	55	
1.2	Số VBQPPL do cấp xã ban hành ²	Văn bản		
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	08	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100%	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	835	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	67,3%	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	835	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	562	
¹ Văn bản quy phạm pháp luật.				

Biểu mẫu 3: Cải cách TTHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
1.	Thống kê TTHC		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	59
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	165
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	250
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.079
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (không bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.682
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (không bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	397
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100%
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	2.079
3.	Kết quả giải quyết TTHC		
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,73%
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	49.074
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	48.449
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,79%
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	19.599
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	19.362
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100%
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	65
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	65

Biểu mẫu 4: Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy		
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	1
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	733
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>12</i>
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>160</i>
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>561</i>
2.	Số liệu về biên chế công chức		
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm 2026	Người	5.679
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	4667
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	199
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	05
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	34.635
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	33.841
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	149
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	17%

Biểu mẫu 5: Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
1.	Tuyển dụng công chức, viên chức		
1.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0
1.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0
2.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0
3.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0
3.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0
3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0
3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0
3.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0
4.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		
4.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định: 27 (16 cơ quan thuộc UBND tỉnh, 10 chi cục và TĐ, 01 tổ chức thuộc Sở, ngành)	Cơ quan, ĐV	27/27
4.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, ĐV	1.030
4.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0

Biểu mẫu 06: Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	44,36	
1.1	Kế hoạch được giao	Tỷ đồng	6.583,612	
1.2	Đã thực hiện	Tỷ đồng	2.920,215	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	733	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	05	
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	72	
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	83	
2.4.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.4.2	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.4.3	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	573	
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần	Đơn vị		

Biểu mẫu 7: Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa =0 Hoàn thành = 1	1
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100
3.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	99
3.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	99
3.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	99
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)		
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	96,7%
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	1.682
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	1.627
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	94,8%
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	1.849
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	1.753
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	92,23 %
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	48.506
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	44.737
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	92,23 %
4.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	22.868
4.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	21.091
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	540
4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	540